

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2023 - 2024

(Thực hiện tuần 23 từ ngày 26 tháng 02 năm 2024)

STT	HỌ	TÊN	CHUYÊN MÔN ĐT	C VỤ	DẠY MÔN - LỚP	Tiết K.N	T.S Tiết	GHI CHÚ
1	Nguyễn Hữu	Son	ĐH Thể sinh	HT	TD K6A5 (2T)		2	
2	Bùi Tôn	Son	ĐH Sử-GDCD	PHT	GDCD 9A1,3 (2T) + Hướng nghiệp K9 (1 tiết/ tháng/ lớp x 4 lớp).		3	CTCĐ
3	Đậu Văn	Chánh	ĐH Toán-Tin		Toán K6A3,4,5 (12T) + PC, Kiểm định (7T)		19	
4	Võ Chí	Cường	ĐH Toán-lý		Toán 8A1,2,3,4 (16T) + PĐY (2T)		18	
5	Huỳnh	Sâm	ĐH Toán-lý		<i>Biệt phái</i>			
6	Lê Phạm Minh	Vương	ĐH Toán-lý		Toán 7A1,2,3,4 (16T) + Toán Đại số 6A2 (3T)		19	
7	Võ Quốc	Trường	ĐH Toán - Tin		Toán K9A1,2,3,4 (16T) + HSG Toán (3T)		19	
8	Nguyễn Thanh	Chí	ĐH -Tin		Tin K6 + K7 + K8 = (13T) + PC, Các loại phần mềm (6T)		19	
9	Hoàng Tiến	Việt	ĐH Lý-KTCN	TT(3T)	Lý K9A1,2,3 (6T) + Toán 6A1 (4T) + Toán hình 6A2 (1T) + HSG Lý 9 (4T) + Phụ trách VIO		19	PCTCĐ
10	Trần Đức	Vinh	ĐH Lý-KTCN		Lý K8A1,4 (2,4T) + HĐTNHN 8A1 (3T) KHTN K7A1,2 (8T).	8A1	17.4	
11	Trần Văn	Anh	ĐH Lý-KTCN		Lý 8A2,3 (2,4T) + CNghệ K8 (6T) + HĐTNHN 8A2 (3T) + Lý 9A4 (2T)	8A2	17.4	
12	Đỗ Văn	Cường	ĐH-Hoá -Sinh	TT(3T)	KHTN K7A3,4 (8T) + Hoá sinh K8A2,3,4 (5,54T).		16.6	
13	Nguyễn Thị	Thủy	ĐH-Hoá -Sinh		KHTN K6A1 (4T) + Hoá K9 (8T) + HSG (4T) + Hoá sinh K8A1 (2,8T)		18.8	
14	Lại Văn	Quyền	CĐ Hóa-Sinh		KHTN K6A2,3,4,5 (16T) + Sinh 9A4 (2T)		18	
15	Nguyễn Thị	Trang	ĐH -Sinh		<i>Biệt phái</i>			

16	Nguyễn Thị Hiền	ĐH Sinh - KT		Sinh K9A1,2,3 (6T) + HSG (4T) + GDCD K6A3 (1T) + HĐTNHN 6A3 (2T)	6A3	17	
17	Trần Văn Trí	ĐH -Thẻ	UBKTCĐ	TD K9A1,2,3,4 (8T) + TD K7A1,2,3,4 (8T) + Ôn luyện các môn HKPĐ (2T)		19	
18	Nguyễn Hùng	ĐH -Thẻ dục		TD K6A1,2,3,4 (8T) + TD K8A1,2,3,4(8T) + Ôn luyện HKPĐ (3T)		19	
19	Nguyễn Hữu Hùng	ĐH-Văn	TKHĐ(2T)	Văn 6A1 (4T) + Văn 8A4 (4T) + Biên tập Wes (3T) + CTĐP Văn K6A1,2,3 (0,75T) + GDCD K8 (4T)		18	
20	Nguyễn Tăng Lợi	ĐH-Văn		Văn K6A4,5 (8T) + HĐTNHN 6A4 (2T) + GDCD K6A1,2,4,5(4) + Địa phương văn 6A4,5 (0,5 T)	6A4	18.5	
21	Trần Phúc Lợi	ĐH-Văn		Văn K7A1,3,4 (12T) + HĐTNHN 7A4 (3T)	7A4	19	
22	Nguyễn Thị Hà	ĐH-Văn		Văn K6A2,3 (8T) + HĐTNHN 6A2 (2T) + Văn K7A2 (4T)	6A2	18	
23	Nông Văn Thuyết	ĐH-Văn	TT(3T)	Văn 8A1,2,3 (12T) + CTĐP Văn K8 (1T) + GDCD K7A3,4 (2T)		18	
24	Phùng Văn Tùng	ĐH-Văn		Văn 9A3,4 (10T) + Địa phương Văn K7 (1,03T) + Tự chọn Văn K9A4 (2t)	9A4	18	
25	Thân Thị Hà	ĐH-Văn		Văn 9A1,2 (10T) + HSG Văn K9 (4T)	9A2	18	
26	Cao Thị Hương	ĐH- Văn		Biệt phái			
27	Nguyễn Thị Anh Đào	ĐH Sử	UVCD	Sử K9 (8T) + HSG K9 (4T) + Tự chọn LS 9A1 (2T)	9A1	19	
28	Phạm Thị Thơ	ĐH Sử-GDCD		LS K7 (6T) + Sử K6A3,4 (3T) + HĐTN HN 7A3 (3T) + Địa phương LS K6,7 (1,6T)	7A3	17.6	
29	Nguyễn Thị Thanh	ĐH Sử		CNghệ K6 (5T) + CNghệ K7 (4T) + Địa phương GDCD, C.Nghệ K6,7 (1,6T) + Tự chọn LS 9A2 (2T)+ C.Nghệ K9 (4T)		16.6	
30	H' Duel Bk rộng	ĐH - Sử		Sử K8 (6T) + Sử K6A1,2,5 (4,5T) + HĐTNHN 6A5 (2T) + Địa phương Lịch sử + GDCD + Công nghệ khối 8 (1,4T)	6A5	17.9	
31	Trần Quỳnh Nga	ĐH -Địa-KT		Địa lí K6 (7,5T) + HĐTN HN 7A2 (3T) + ĐL K7A1,2,3 (4,5T)	7A2	19	

32	Nguyễn Văn Hùng	ĐH -Địa-KT	TT(3T)	Địa K9A (4T) + HSG Địa K9A1,2 (4T) + Địa K7A4 (1,5T) + ĐL Địa phương K8 (0,7 T) + TC Địa 9A3 (2T)	9A3	19	
33	Lang Văn Thắng	ĐH -Địa-KT		Địa K8 (6T) + HĐTNHN 8A3 (3T) + Địa phương Địa lí K6,7 (1,6 T) + GDCD K9A2,4 (2T)	8A3	16.6	
34	Trần Thế Hào	ĐH NN	TT(3T)	NN K8 (12T) + NN 6A5 (3T) + Phụ trách IOE		19	
35	Phạm Thị Quỳnh Như	ĐH NN		NN K7 (12T) + NN K6A1,2 (6T) + IOE (1T)		19	
36	Nguyễn .T. Thanh Tâm	ĐH NN		NN K6A3,4 (6T) + NN K9 (8T) + HSG K9 (4T) IOE + (1T)		19	
37	Huỳnh Quốc Tú	ĐH GDCD	TPTĐ	HĐTNHN K6 (5T) + LĐVS (2T)		7	
38	Nguyễn Xuân Truong	ĐH Nhạc		Nghệ thuật (Nhạc) K8 (4T) + MT K9 (4T) + Nhạc K6A3,4,5 (3T) + Địa phương Âm nhạc K6,8 (1T) + HĐTNHN 8A4 (3T)	8A4	19	
39	Bùi Thị Thảo	ĐH Nhạc	UVCĐ (1)	Nhạc K6A1,2 (2T) + Nhạc K7 (4T) + MT K7A1,2 (2T) + HĐTNHN 7A1 (3T) + GDCD K7A1,2 (2T) + Địa phương Nhạc K7 (0,5T)	7A1	18.5	
40	Võ Nữ Lan Phi	ĐH- Mỹ Thuật		Nghệ thuật (MT) K6 (5T) + MT K8 (4T) + MT K7A3,4 (2T) Địa phương MT K6,7,8 (1,5T) + HĐTNHN 6A1 (2T)	6A1	18.5	
TỔNG SỐ TIẾT						634.4	

Từ tuần 23 môn KHTN khối 8 có sự thay đổi: phân môn Vật lí còn 01 tiết/tuần, Sinh 02 tiết/tuần./.

CM



BÙI TÔN SƠN

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
CAO BÀ QUÁT

Nguyễn Hữu Sơn

lý 8: 1,2	Hoá : 1,43	Sinh: 1,37
lý 7 ;1,23	hóa 7-1,09	sinh7 - 1,69
Công nghệ 8 kì 1 (2 tiết; kì 2 dạy 1 tiết)		

lý 6:1,4

hóa 6 : 0,89

Sinh6 : 1,68

Công nghệ trồng cây ăn quả

Công nghệ địa phương??